

Kinh tế Việt Nam 2016 - 2017: Ổn định, tạo động lực phát triển mới

- **Nguyễn Văn Luân**

Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG HCM - Email: luannv@uel.edu.vn

(Bài nhận ngày 13 tháng 02 năm 2017, hoàn chỉnh sửa chữa ngày 10 tháng 3 năm 2017)

TÓM TẮT

Năm 2016, nền kinh tế Việt Nam vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng cao, kinh tế vĩ mô ổn định và được duy trì vững chắc, tăng trưởng kinh tế đạt 6,21%, chỉ số giá tiêu dùng tăng 4,74%, thị trường tài chính có những chuyển biến tích cực, khó khăn của doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng đã có dấu hiệu giảm bớt. Xuất – nhập khẩu được đánh giá vẫn là điểm sáng khi tốc độ tăng trưởng vẫn duy trì ở mức cao. Với kết quả tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước (DNNN) đã phát đi những tín hiệu tích cực để tiến trình cải cách DNNN về đích một cách hiệu quả. Kết quả khả quan đó tạo sức bật cho phát triển kinh tế năm 2017.

Mục tiêu giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, phấn đấu tăng trưởng kinh tế năm 2017 đạt

6,7% GDP, chú trọng cải thiện chất lượng tăng trưởng, bảo đảm phát triển bền vững. Năm 2017 cần phải tiếp tục tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất kinh doanh, chú trọng thực hiện một cách đồng bộ và có hiệu quả cải cách thủ tục hành chính, chủ động hội nhập thương mại quốc tế theo các hiệp định thương mại tự do đã được ký kết: FTA, AEC.

Để thực hiện thành công các chỉ tiêu kinh tế năm 2017, cần phải triển khai mạnh mẽ các chính sách, biện pháp xây dựng hệ thống đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học công nghệ trong cả nước và các ngành để tạo ra những kết quả mang tính bước ngoặt trong chuyển dịch cơ cấu và mô hình tăng trưởng.

Từ khóa: Ổn định kinh tế, tạo động lực phát triển mới.

1. GIỚI THIỆU

Năm 2017 là năm thứ hai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 – 2020, đồng thời cũng là năm chuyển tiếp thực hiện giai đoạn cuối chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 – 2020. Năm 2017 đóng vai trò có tính quyết định đối với “tái cấu trúc nền kinh tế gắn liền với chuyển đổi mô hình tăng trưởng”. Có thể nói, trong những năm vừa qua Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong việc ổn định kinh tế vĩ mô, tái cơ cấu nền kinh tế và cải cách thể chế. Điều này đã tạo nên những cơ sở và

nền tảng cho sự phát triển; đó là: (i) kinh tế vĩ mô ổn định; (ii) môi trường đầu tư, kinh doanh ngày càng thông thoáng hơn; (iii) việc mở rộng ngày càng sâu rộng với các Hiệp định thương mại tự do (FTA) và ký kết hiệp định song phương ngày càng được mở rộng.

Kết thúc năm 2016, kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, giá tiêu dùng tăng thấp. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 4,74% so với năm 2015, kiểm soát được lạm phát ở mức vừa phải. Kinh tế tiếp tục đà phục hồi với mức tăng trưởng GDP năm 2016 đạt 6,21%.

Năm 2016 cũng là năm Việt Nam tham gia ngày càng sâu rộng hơn vào nền kinh tế thế giới thông qua hàng loạt hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương và đa phương, trong đó đáng chú ý là FTA Việt Nam – EU, FTA liên minh kinh tế Á-Âu: Nga, Belarus, Kazaskhtan, FTA Việt Nam – Hàn Quốc, Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC),

Các chỉ tiêu phát triển kinh tế năm 2017 đã được Quốc hội thông qua là: (i) Tổng sản phẩm trong nước tăng 6,7%; (ii) Tốc độ tăng giá tiêu dùng bình quân khoảng 4%; (iii) Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 6 - 7%; (iv) Tỷ lệ nhập siêu so với tổng kim ngạch xuất khẩu khoảng 3,5%; (v) Tỷ lệ bội chi ngân sách khoảng 5% so với GDP; (vi) Tổng vốn đầu tư phát triển xã

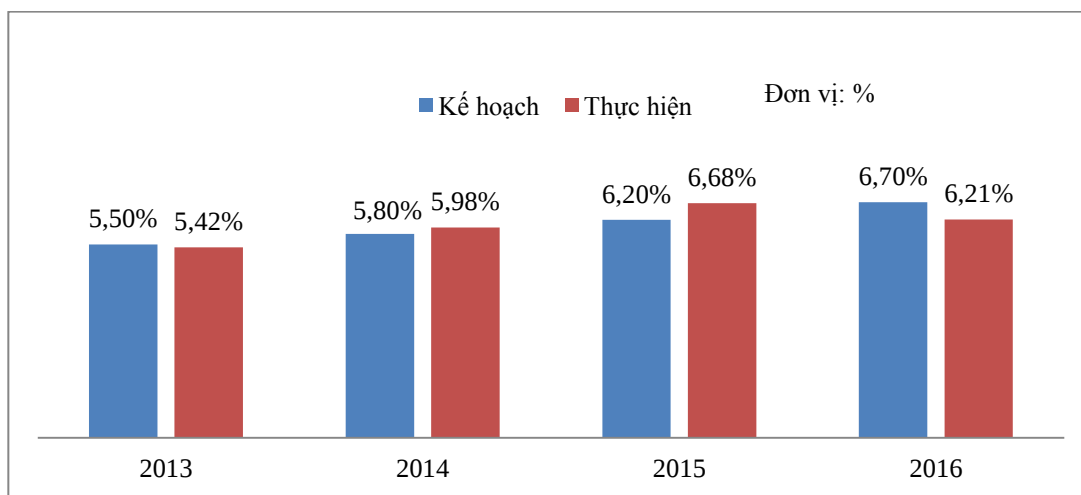
hội khoảng 31,5% GDP; (vii) Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4%.

Với những cải cách đang được thực hiện một cách đồng bộ và quyết liệt, cùng đà hồi phục của nền kinh tế, khả năng thực hiện mục tiêu tăng trưởng 6,7% GDP sẽ là hiện thực hóa trong năm 2017.

2. BỨC TRANH KINH TẾ VIỆT NAM 2016: ỔN ĐỊNH VÀ BÙNG NỔ VỀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP

2.1. Tăng trưởng kinh tế

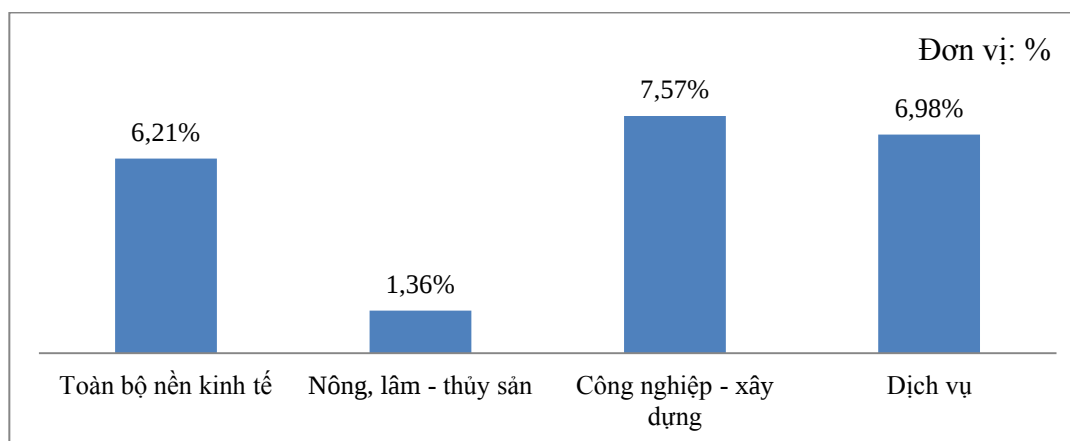
Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2016 đạt 6,21%; con số này thấp hơn so với dự tính 6,3-6,5% được báo cáo trước Quốc hội tháng 10 năm 2016, không đạt chỉ tiêu kế hoạch năm 2016 là 6,7% (xem hình 1).



Hình 1. Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam so với kế hoạch những năm qua

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Tăng trưởng GDP năm 2016 vẫn đạt được ở cả 3 nhóm ngành của nền kinh tế



Hình 2. Tốc độ tăng GDP của các nhóm ngành năm 2016

Nguồn: Tổng Cục Thống kê

Hình 2 cho thấy, đóng góp chủ yếu vào mức tăng GDP năm 2016 là khu vực công nghiệp – xây dựng (tăng 7,57%) và dịch vụ (6,98%). Ngành nông nghiệp chỉ đóng góp 1,36% vào mức tăng trưởng chung. Do tình hình thiên tai, bão lũ, hạn hán... diễn biến phức tạp, năm 2016 thiên tai đã gây thiệt hại gấp 2 lần so với mọi năm, tổng thiệt hại ước tính lên tới gần 40 nghìn tỷ đồng. Đây chính là nguyên nhân khiến tăng trưởng ngành nông nghiệp lần đầu tiên rơi xuống mức âm, làm giảm 0,3% GDP. Nhóm ngành công nghiệp – xây dựng tăng cao hơn tốc độ tăng chung, trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 11,9%. Tăng trưởng của nhóm ngành dịch vụ cũng tăng cao hơn tốc độ tăng chung của nền kinh tế, và ngành này tiếp tục chiếm tỷ trọng cao nhất (40,92%) trong ba nhóm ngành. Nhìn chung, tăng trưởng kinh tế vẫn đạt được ở cả 3 nhóm ngành; chính vì vậy, cơ cấu GDP theo nhóm ngành tiếp tục chuyển dịch theo hướng nhóm ngành công nghiệp – xây dựng và dịch vụ tiếp tục tăng, nhóm ngành nông, lâm nghiệp – thủy sản tiếp tục giảm. Đây là xu hướng phù hợp với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa để đưa nước ta sớm trở thành nước công nghiệp theo

hướng hiện đại.

Năm 2016 GDP đạt khoảng 4.575 tỷ đồng, theo tỷ giá hối đoái bình quân năm 2016 đạt khoảng 205,5 tỷ USD, tăng so với mức 192,42 tỷ USD của năm 2015. Với tỷ lệ tăng dân số 1,07%, GDP bình quân đầu người đạt 2.217 USD, cao hơn mức 2.109 USD năm 2015. Nếu tính theo sức mua tương đương đạt 6.069 USD/người – lần đầu tiên vượt mốc 6.000 USD và có tốc độ tăng cao hơn năm 2015 (5% so với 2,7%).

Bên cạnh những kết quả đạt được, tăng trưởng GDP năm 2016 cũng còn những hạn chế và bất cập. Tốc độ tăng thấp hơn năm trước (6,68%) và không đạt mục tiêu kế hoạch đề ra (6,7%). Do tốc độ tăng GDP bị sụt giảm, nên bội chi ngân sách, nợ công, nợ chính phủ, nợ nước ngoài/GDP tăng lên sát với mức trần. GDP bình quân đầu người tăng lên nhưng vẫn còn thấp, chênh lệch về mức tuyệt đối vẫn tăng lên và vẫn tụt hậu xa so với nhiều nước. Chất lượng tăng trưởng vẫn chưa được cải thiện, hiệu quả đầu tư và năng suất lao động lại giảm xuống (suất đầu tư tăng lên, năm 2015 từ 4,9 lần lên 5,1 lần năm 2016).

2.2. Giá cả và lạm phát

Năm 2016, với một số yếu tố được cải thiện về môi trường kinh doanh, chính sách tiền tệ, lãi suất, chi tiêu và đầu tư công, chính sách thuế, chính sách tỷ giá... đã có tác động “mạnh” đến nền kinh tế. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12 tăng 0,23% so với tháng trước. Tính chung cả năm, CPI tăng 4,74% so với năm 2015. Tính bình quân năm 2016, chỉ số giá tiêu dùng cao hơn năm 2015 là 2,66%, nhưng thấp hơn so với giới hạn 5% được phê duyệt. CPI năm 2016 thấp hơn tốc độ tăng trưởng GDP; đây là một quan hệ hợp lý trong quan hệ giữa tăng trưởng và lạm phát. GDP thực tăng lên, hiệu quả của tăng trưởng GDP tăng lên.

Tốc độ tăng CPI năm 2016 cao hơn năm 2014 và 2015, nhưng đã đạt được mục tiêu theo Nghị quyết của Quốc hội. Đây là kết quả của việc chuyển đổi tư duy điều hành từ “kiềm chế lạm phát” sang “kiểm soát lạm phát theo mục tiêu”. Việc kiểm soát được lạm phát theo mục tiêu tác động đến lòng tin đối với giá trị của đồng nội tệ (VN đồng), và tác động đến mọi hoạt động của nền kinh tế, đặc biệt là tăng trưởng kinh tế.

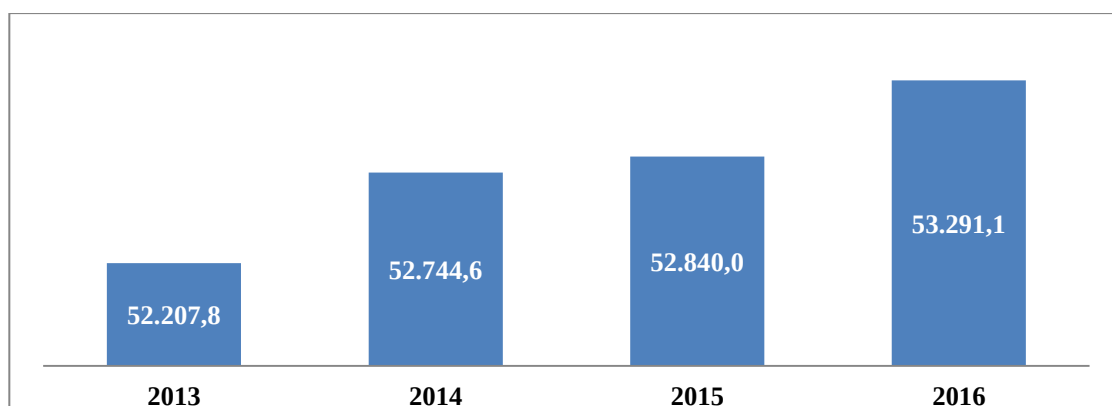
Những yếu tố làm cho CPI năm 2016 tăng, nhưng vẫn ở dưới mức 5% là do giá hàng nhập khẩu bình quân năm tính bằng USD của năm 2016 giảm. Tăng trưởng tín dụng trong năm thấp hơn so với các năm trước, mức lãi suất giảm nhẹ. Bộ chi ngân sách nhà nước được bù đắp bằng vay trong nước và vay nước ngoài; tuy có làm cho nợ công, nợ chính phủ, nợ nước ngoài tăng lên, nhưng không trực tiếp gây ra

lạm phát tức thời. CPI tăng không hoàn toàn do lạm phát tiền tệ, mà chủ yếu do điều chỉnh giá dịch vụ y tế, giáo dục... CPI năm 2016 tăng chủ yếu là do tổng cầu tăng cao hơn tổng cung. Tổng cầu tăng cao hơn thể hiện ở tỷ lệ vốn đầu tư phát triển toàn xã hội/GDP năm 2016 cao hơn năm 2015 (năm 2016 là 33% so với 32,6% của năm 2015). Tổng cung tăng chậm hơn là do tốc độ tăng trưởng GDP thấp hơn năm 2015 (6,21% so với 6,68%), một phần do chuyển từ nhập siêu năm trước (3,454 tỷ USD) sang xuất siêu trong năm 2016 (2,68 tỷ USD).

2.3. Việc làm và thất nghiệp

Theo số liệu thống kê, lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc so với dân số đạt 57,5%, tỷ lệ phụ thuộc là 42,5%. Như vậy, Việt Nam vẫn còn đang trong thời kỳ có cơ cấu “dân số vàng”, đây vẫn là cơ hội để tận dụng và khai thác nguồn lao động nếu có sự quan tâm và có chính sách phù hợp để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, tăng năng suất lao động, tạo việc làm cho lực lượng lao động trẻ, bảo đảm an sinh xã hội cho người cao tuổi.

Theo hình 3, năm 2016 số lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc là 53,3 triệu người đông hơn lực lượng lao động trong tuổi là 5,6 triệu người, nhờ 6,7 triệu người trên tuổi còn tham gia lao động, số này vừa bổ sung số người đang làm việc, vừa bù cho số người trong độ tuổi lao động chưa tham gia làm việc. Số lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc liên tục tăng lên qua các năm.

**Hình 3. Lao động đang làm việc qua các năm (nghìn người)***Nguồn: Tổng Cục Thống kê*

Cơ cấu lao động đã có sự chuyển dịch theo hướng tích cực; tỷ trọng lao động trong khu vực nhà nước giảm, khu vực ngoài nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng, chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế (90,2%). Theo nhóm ngành kinh tế, tỷ trọng lao động làm việc trong nhóm ngành nông, lâm nghiệp – thủy sản giảm, tỷ trọng lao động đang làm việc trong nhóm ngành công nghiệp – xây dựng và nhóm ngành dịch vụ tăng. Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, nhưng tỷ trọng lao động đang làm việc trong ngành nông, lâm nghiệp – thủy sản vẫn còn cao (41,9%); ngành công nghiệp – xây dựng (22,7%); ngành dịch vụ (33,3%). Tỷ lệ lao động qua đào tạo tuy tăng lên nhưng hiện còn ở mức thấp; cơ cấu đào tạo còn bất hợp lý về ngành nghề. Mức năng suất lao động tính bằng USD của Việt Nam chỉ bằng 4,4% của Singapore, bằng 17,4% của Malaysia, bằng 35,2% của Thái Lan, bằng 48,8% của Indonesia.

Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi của Việt Nam thuộc loại thấp (2,3%), nhưng về số tuyệt đối cũng đã lên tới 1,1 triệu người. Ở Việt Nam, khu vực phi chính thức còn chiếm tỷ trọng lớn (55,9%), nên một lực lượng lao động đáng kể trong nền kinh tế làm việc ít thời gian hơn, với thu nhập thấp, bấp bênh. Số thanh niên

từ 15 đến 24 tuổi có tỷ lệ thất nghiệp cao (7,04%), khoảng 15 người có 1 người thất nghiệp, trong đó có cả những người tốt nghiệp đại học, cao đẳng.

2.4. Xuất – nhập khẩu hàng hóa

Xuất khẩu

Năm 2016 tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 175,9 tỷ USD, tăng 8,6%. Cao hơn tốc độ tăng 7,9% của năm 2015. Cao hơn tốc độ tăng 6,21% của GDP năm 2016. Tốc độ tăng xuất khẩu năm 2016 tương đối cao trong điều kiện tăng trưởng xuất khẩu của nhiều nước lại giảm xuống. Tỷ lệ xuất khẩu hàng hóa/GDP tiếp tục tăng lên, từ 83,8% lên 84,8%. Cơ cấu mặt hàng tiếp tục chuyển dịch theo hướng tỷ trọng hàng thô và mới sơ chế giảm, tỷ trọng hàng chế biến hoặc đã tinh chế tiếp tục tăng lên. Có 25 mặt hàng đạt trên 1 tỷ USD, riêng mặt hàng điện thoại vượt mốc 30 tỷ USD. Doanh nghiệp FDI đã có những đóng góp quan trọng trong việc đẩy mạnh xuất khẩu và chiếm tỷ trọng lớn trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam. Năm 2016, xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI chiếm khoảng 70% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước.

Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu năm 2016 vẫn còn thấp hơn tốc độ tăng trưởng 10% theo mục tiêu đề ra. Cơ cấu xuất khẩu vẫn

còn mang nặng tính gia công, lắp ráp, nên thực thu ngoại tệ còn thấp.

Nhập khẩu

Kim ngạch nhập khẩu năm 2016 là 173, 26 tỷ USD. Cả nước xuất siêu 2,68 tỷ USD. Như vậy, năm 2016 Việt Nam đã không phải nhập siêu như kế hoạch (khoảng 8,9 tỷ USD) mà còn chuyển vị thế từ nhập siêu 3,454 tỷ USD năm 2015 sang xuất siêu trong năm 2016 lên tới 2,68 tỷ USD. Do việc ổn định nguồn nhập khẩu nên nhập khẩu có ý nghĩa quan trọng đối với việc duy trì xuất khẩu và tăng trưởng xuất khẩu nên các mặt hàng nhập khẩu sau khi vào FTA đã ký kết tập trung tăng mạnh vào nguyên liệu phục vụ sản xuất trong nước gồm chất dẻo nguyên liệu, dược phẩm, máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng, nguyên phụ liệu dệt may, da giày... Tỷ trọng nhập khẩu từ một số thị trường chính gồm Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, Thái Lan... chiếm khoảng trên 70%. Do cơ cấu mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam so với các nước trong khu vực Châu Á là khá tương đồng và sức cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam thấp nên mức tăng trưởng nhập khẩu có những thời điểm cao hơn mức tăng trưởng

xuất khẩu (đặc biệt là Trung Quốc và Hàn Quốc).

2.5. Đầu tư nước ngoài (FDI)

Năm 2016 thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cũng là một điểm sáng trong bức tranh kinh tế của cả nước. Tổng vốn FDI thực hiện ước đạt 15,8 tỷ USD, tăng 9% so với năm 2015; tổng vốn đăng ký ước đạt 24,372 tỷ USD. FDI năm 2016 vẫn là khu vực phát triển năng động nhất với tốc độ tăng trưởng cao hơn tốc độ tăng trưởng của cả nước. Tỷ trọng đóng góp của FDI trong GDP đạt trên 20,5%, cao hơn năm 2015. Đóng góp của FDI vào ngân sách ngày càng tăng, năm 2016 đạt gần 6,0 tỷ USD; tạo việc làm trực tiếp cho 3,55 triệu lao động và hàng vạn lao động gián tiếp khác. FDI tiếp tục góp phần chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế với nhiều ngành nghề, sản phẩm công nghiệp, dịch vụ mới... góp phần thúc đẩy tiến trình hội nhập ngày càng sâu rộng kinh tế quốc tế của Việt Nam, nâng cao năng lực quản lý kinh tế, quản trị doanh nghiệp, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và thay đổi cơ cấu lao động (Xem bảng 1).

Bảng 1. Đóng góp FDI năm 2013 - 2016

TT	Chỉ tiêu	2013	2014	2015	2016
1	Đóng góp FDI trong GDP (%)	19,55%	20,09%	20,1%	20,5%
2	Tốc độ tăng trưởng cả nước (%)	5,42%	5,98%	6,68%	6,21%
3	Tốc độ tăng GDP khu vực FDI (%)	6,7%	7,18%	10,71%	12,0%
4	Nộp ngân sách (triệu USD)	5.000	5.430	5.800	6.000
5	Lao động cuối kỳ (1.000 người)	1.785,7	2.700,0	3.500,0	3.550,0

Nguồn: Cục đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Có thể nói, trong những năm vừa qua, FDI đã có những đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế của Việt Nam. Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế trong việc thu hút công nghệ cao, công nghệ nguồn và chuyển giao công nghệ thông qua thu hút FDI. Hiệu ứng lan tỏa của khu vực FDI đối với khu vực trong nước

chưa cao; một số dự án được cấp phép chưa bảo đảm tính bền vững, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, tiêu tốn năng lượng, sử dụng tài nguyên không hiệu quả.

2.6. Bùng nổ phát triển doanh nghiệp

Năm 2016 là năm đánh dấu sự tăng trưởng

nhau về số lượng doanh nghiệp thành lập mới, khi cả nước có 110.100 doanh nghiệp ra đời với số vốn đăng ký hơn 891.000 tỷ đồng.

Theo số liệu của Cục Đăng ký doanh

nh nghiệp thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, số doanh nghiệp đang hoạt động tính đến cuối năm 2016 là 559,6 nghìn doanh nghiệp, tăng 11,9% so với cuối năm 2015 (Bảng 2).

Bảng 2. Biến động doanh nghiệp năm 2016

Tên chỉ tiêu	Số doanh nghiệp (nghìn doanh nghiệp)	Tăng/ giảm so với năm trước (%)
1. Số DN đăng ký thành lập mới	110,1	16,2
2. Số DN quay trở lại hoạt động	26,7	24,1
A. Cộng (1+2)	136,8	17,7
3. Số DN hoàn tất thủ tục giải thể	12,5	31,8
4. Số DN tạm ngừng hoạt động	60,7	-15,2
B. Cộng (3+4)	73,2	-9,7
C. A - B	63,6	80,7
D. Số DN đang hoạt động (tính đến năm 2016)	599,6	11,9

Nguồn: Cục đăng ký doanh nghiệp. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Kết quả tích cực của khởi nghiệp trong năm 2016 cho thấy tổng số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và quay trở lại hoạt động tăng so với các năm trước. Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tăng 16,2%; số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động tăng 24,1%. Đây là tốc độ tăng khá cao so với các năm trước, tạo tiền đề cho việc thực hiện mục tiêu 1 triệu doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế vào năm 2020.

Bên cạnh những kết quả tích cực về hoạt động khởi nghiệp năm 2016; trong năm 2016 cũng có những hạn chế, bất cập và đứng trước những thách thức không nhỏ. Đó là, số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động và hoàn tất thủ tục giải thể là 73.145 doanh nghiệp, giảm 9,7% so với năm 2015; chấm dứt chuỗi tăng liên tục so với các năm trước. Bên cạnh số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tăng lên, số doanh nghiệp bị giải thể hoặc ngừng hoạt động cũng tăng lên nên số doanh nghiệp đang hoạt động

cũng không tăng lên nhiều. Đây cũng là cảnh báo cần thiết trong việc thực hiện mục tiêu 1 triệu doanh nghiệp hoạt động vào năm 2020.

3. NĂM 2017: TẠO ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN MỚI

3.1. Bối cảnh kinh tế nước ngoài năm 2017

Năm 2017 kinh tế thế giới tiếp tục đà phục hồi nhưng có những điểm biến phức tạp, tạo ra nhiều yếu tố biến động bất định, khó lường. Các dự báo của các tổ chức tài chính và kinh tế trên thế giới đều dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2017 sẽ cao hơn năm 2016. Tuy nhiên tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới lại có sự sai lệch khá lớn. Dự báo mới nhất của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) và Ngân hàng thế giới (WB) cho thấy tăng trưởng kinh tế toàn cầu lần lượt ở mức 3,4% và 2,7% cao hơn so với mức 3,1% và 2,3% của năm 2016 (Bảng 3).

Bảng 3. Dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới

	IMF		Worldbank	
	2016	2017	2016	2017
GDP thế giới (tốc độ tăng trưởng: %)	3,1	3,4	2,3	2,7
Các nước phát triển	1,6	1,8	1,6	1,8
Hoa Kỳ	1,6	2,2	1,6	2,2
Khu vực đồng Euro	1,7	1,5	1,6	1,5
Nhật Bản	0,5	0,6	1,0	0,9
Các nước đang phát triển và mới nổi	4,2	4,6	3,4	4,2
Các nước đang phát triển và mới nổi ở Châu Á	6,5	6,3		
Trung Quốc	6,5	6,3	6,7	6,5
ASEAN-5	4,8	5,1		
Thương mại thế giới (tốc độ tăng %)	2,3	3,8	2,5	3,6

Nguồn: IMF, Worldbank

Sự phục hồi kinh tế toàn cầu là đều khắp. Mỹ được dự báo là tăng trưởng mạnh trong năm 2017 nhờ mở rộng chính sách tài khóa của chính quyền Trump. Ủy ban Châu Âu dự báo năm 2017 tăng trưởng của khu vực đồng Euro đạt khoảng 1,6% và là năm đầu tiên sau khủng hoảng tài chính tất cả các thành viên của khu vực này đều có tăng trưởng dương. Chính sách kích thích tài khóa của chính phủ Nhật sẽ hỗ trợ cho kinh tế Nhật tăng khoảng 0,9% đến 1% năm 2017. Trong các nước BRICS thì Ấn Độ là nước tiếp tục có tốc độ tăng trưởng cao nhất, Nga và Brasil sẽ chậm được đà suy giảm kinh tế và bắt đầu có tăng trưởng dương. Kinh tế Trung Quốc vẫn trong xu hướng giảm tốc, năm 2017 tốc độ tăng trưởng khoảng 6,5%, đây là mức tăng trưởng thấp nhất kể từ năm 1991 đến nay.

Sự phục hồi kinh tế toàn cầu cũng kéo theo giá cả các hàng hóa cơ bản trên thế giới tăng do cầu tăng. Lạm phát ở các nước tăng trở lại. IMF dự báo chỉ số giá tiêu dùng các nền kinh tế mới nổi sẽ tăng khoảng 4,5%, các nền kinh tế phát triển tăng 1,7% so với mức 0,7% năm 2016. Ủy ban Châu Âu dự báo lạm phát Châu Âu sẽ tăng ở mức 1,7-1,8%. Theo UNCTAD dòng vốn đầu

tư nước ngoài sẽ phục hồi vào năm 2017, và với mức tăng hoảng 10%. Xu hướng dòng vốn FDI năm 2017 chủ yếu lại chạy vào các nước phát triển như Mỹ, Hàn Quốc, Nhật Bản, Nga, Úc, EU,... và giảm tại một số nền kinh tế đang phát triển khu vực APEC.

Bên cạnh sự phục hồi của nền kinh tế toàn cầu, năm 2017 nền kinh tế thế giới đối mặt với những khó khăn và thách thức mới như thương mại toàn cầu có xu hướng giảm trong khi bảo hộ thương mại và chủ nghĩa dân tộc cực đoan (chủ nghĩa dân túy) ở một số quốc gia tăng lên, cộng với tác động của biến đổi khí hậu và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 diễn ra mạnh mẽ... các chính sách kinh tế của tân thống đốc Mỹ Donald Trump (rút khỏi TPP, cải cách thuế theo hướng có lợi cho doanh nghiệp – giảm thuế kinh doanh từ 35% xuống còn 15%; rào biên giới, hạn chế nhập cư...) có thể kéo theo nhiều thay đổi của nền kinh tế Mỹ cũng như kinh tế và tiền tệ thế giới. Dự báo trong năm 2017, Fed sẽ tăng lãi suất thêm 2 hoặc 3 lần khiến đồng USD có xu hướng tăng giá. Những diễn biến nêu trên có thể tác động không thuận đến tăng trưởng, xuất khẩu, kiểm soát lạm phát cũng như thị trường ngoại hối

trong nước.

3.2. Triển vọng kinh tế Việt Nam 2017

Năm 2017 là năm thứ hai thực hiện nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 2016 – 2020; theo đó, tăng trưởng kinh tế Việt Nam có nhiều khả năng vẫn giữ được tốc độ tăng cao nhưng vẫn thiếu bền vững nếu những tồn tại mang tính cơ cấu của nền kinh tế chưa được giải quyết một cách triệt để. Các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế năm 2017 là: (i) Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 6,7%; (ii) Tốc độ tăng giá tiêu dùng bình quân khoảng 4%; (iii) Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 6 - 7%; (iv) Tỷ lệ nhập siêu so với tổng kim ngạch xuất khẩu khoảng 3,5%; (v) Tỷ lệ bội chi ngân sách khoảng 5% so với GDP; (vi) Tổng vốn đầu tư phát triển xã hội khoảng 31,5% GDP; (vii) Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4%

Mục tiêu giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, phấn đấu tăng trưởng kinh tế năm 2017 cao hơn năm 2016, chú trọng cải thiện chất lượng tăng trưởng, bảo đảm phát triển bền vững. Đẩy mạnh thực hiện 3 đột phá chiến lược, tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, khuyến khích khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp... Tăng trưởng kinh tế Việt Nam được kỳ vọng sẽ phục hồi mạnh trong giai đoạn 2017 – 2020 nhờ vào hàng loạt các yếu tố hỗ trợ từ giá hàng hóa thấp, lực đẩy từ các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, nhu cầu bên ngoài, cùng với những cải cách thể chế. Trong điều kiện không có những đột biến, nếu khai thác tốt những cơ hội, tận dụng được điều kiện thuận lợi, nền kinh tế Việt Nam sẽ bắt đầu chu kỳ phục hồi mới.

Trong năm 2017, Chính phủ Việt Nam vẫn kiên trì thực hiện chính sách ổn định hóa kinh tế vĩ mô nhằm hỗ trợ thị trường, tháo gỡ khó khăn về vốn cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, khu vực nông nghiệp, nông

thôn, lĩnh vực xuất khẩu. Trong đó có một số giải pháp về kinh tế như: (1) điều hành chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ một cách linh hoạt, nhất là chi tiêu công, cơ cấu lại thu chi ngân sách nhà nước, kiểm soát chặt chẽ nợ công, xử lý có hiệu quả nợ đọng xây dựng cơ bản, nợ đọng thuế, triệt để thực hành tiết kiệm. Kiểm soát và điều hành chính sách tiền tệ, nhất là chính sách tỷ giá, lãi suất, tăng trưởng tín dụng; (2) tập trung tháo gỡ khó khăn cho khu vực kinh tế trong nước, thực hiện các giải pháp có hiệu quả hỗ trợ nông dân, doanh nghiệp trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, mở rộng thị trường, cải thiện môi trường đầu tư...; (3) đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, triển khai 5 nội dung và 10 nhiệm vụ ưu tiên trong kế hoạch tái cơ cấu nền kinh tế giai đoạn 2016 – 2020; (4) đẩy mạnh cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí, buôn lậu, gian lận thương mại, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng.

Những cải cách về thể chế kinh tế đã và đang triển khai một cách đồng bộ và mạnh mẽ, tạo điều kiện cho nền kinh tế vận hành mang tính thị trường hơn, nguồn lực xã hội có điều kiện huy động tốt hơn. Hệ thống pháp luật đã và sẽ tiếp tục hoàn thiện phù hợp với thông lệ quốc tế, với cam kết hội nhập,... sẽ có tác động cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh cho doanh nghiệp. Hoạt động kinh doanh sẽ được lành mạnh hơn, tạo cơ hội cho các doanh nghiệp làm ăn chân chính, cạnh tranh bằng chính năng lực của mình; đồng thời cũng làm mất đi những doanh nghiệp làm ăn không chính đáng, không dựa trên năng lực của chính mình.

Cải cách hành chính sẽ tiến hành mạnh mẽ; nội dung và phương thức quản lý hành chính Nhà nước sẽ được đổi mới phù hợp với khuôn khổ cam kết WTO, FTA, AEC..., tính công khai, minh bạch trong chính sách và trong các loại dịch vụ hành chính công sẽ được thúc đẩy, nên sẽ tạo thuận lợi hơn trong hoạt động sản

xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Sự hỗ trợ của Nhà nước đối với doanh nghiệp thông qua đầu tư cải thiện cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội chính là nội dung thực hiện vai trò của: Nhà nước kiến tạo, lấy doanh nghiệp là đối tượng phục vụ, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư kinh doanh.

Với những cải cách đang được thực hiện một cách đồng bộ và quyết liệt, nền kinh tế ổn định và tiếp tục phục hồi với đà tăng trưởng cao, khả năng thực hiện mục tiêu tăng trưởng 6,7% GDP sẽ là hiện thực hóa trong năm 2017. Tăng trưởng kinh tế năm 2017 thuận lợi hơn chủ yếu nhờ vào yếu tố bên trong của nền kinh tế, cầu nội địa mạnh lên, xuất khẩu vẫn duy trì với tốc độ tăng trưởng cao (khoảng 6 - 7%), mức lạm phát thấp và niềm tin vào đường lối phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020 mà Đại hội XII của Đảng cộng sản Việt Nam đã đề ra. Đây là cơ sở vững chắc cho tăng trưởng trong thời kỳ trung hạn, và là thời điểm thích hợp để củng cố ổn định kinh tế vĩ mô, tạo thêm khoảng đệm chính sách thông qua những nỗ lực kiên quyết để kiểm soát và kiềm chế những mất cân đối trong nền kinh tế và giải quyết những vấn đề bất cập còn tồn tại trong tái cơ cấu nền kinh tế.

Việc phục hồi tổng cầu, với đầu tư tư nhân tăng nhanh do được cải thiện môi trường kinh tế vĩ mô cùng những cải cách thể chế sẽ tạo nên niềm tin cho doanh nghiệp. Đặc biệt, với việc tham gia ngày càng sâu rộng hơn vào nền kinh tế thế giới thông qua hàng loạt hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương và đa phương, trong đó đáng chú ý là FTA Việt Nam – EU, FTA Việt Nam – Hàn Quốc, Cộng đồng kinh tế ASEAN,..., Việt Nam đang đứng trước cơ hội lớn để tăng cường thu hút đầu tư và mở rộng thị trường xuất khẩu. Bên cạnh đó, nhiều bộ luật sửa đổi như: Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Đất đai, Luật Nhà ở... có hiệu lực sẽ tạo điều kiện cải thiện năng lực cạnh tranh

toàn cầu của nền kinh tế Việt Nam. Tổng cung cũng được cải thiện nhờ quá trình tái cơ cấu nền kinh tế đã phát huy tác dụng đối với năng suất của các yếu tố đầu vào trong quá trình sản xuất của nền kinh tế. Hơn nữa, giá cả hàng hóa trên thị trường thế giới có xu hướng tiếp tục giảm sẽ tạo điều kiện cho doanh nghiệp cắt giảm chi phí sản xuất, thúc đẩy tổng cung trong nước.

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2017, đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, thực hiện thắng lợi mục tiêu tăng trưởng kinh tế 6,7%; tăng trưởng gắn liền với chất lượng và hiệu quả. Theo đó; chú trọng tạo dựng và duy trì cấu trúc tăng trưởng hợp lý, thể hiện rõ mô hình tăng trưởng theo chiều sâu. Chú trọng việc nâng cao hiệu quả đầu tư, nhất là đầu tư công, hiệu quả sử dụng lao động hướng vào các cực tăng trưởng dài hạn của nền kinh tế để thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững trong giai đoạn 2017 – 2020.

4. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Kết luận

Năm 2016, nền kinh tế Việt Nam có bước phát triển khả quan hơn, kinh tế vĩ mô ổn định và được duy trì vững chắc, tăng trưởng kinh tế phục hồi rõ nét, thị trường tài chính có những chuyển biến tích cực, khó khăn của doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng đã có dấu hiệu giảm bớt. Xuất – nhập khẩu được đánh giá vẫn là điểm sáng khi tốc độ tăng trưởng vẫn duy trì ở mức cao. Với kết quả tái cơ cấu DNNN đã phát đi những tín hiệu tích cực để tiến trình cải cách DNNN về đích một cách hiệu quả. Kết quả khả quan đó tạo đà cho phát triển kinh tế năm 2017.

Năm 2017 cần tiếp tục tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất kinh doanh, chú trọng thực hiện một cách đồng bộ và có hiệu quả cải cách

thủ tục hành chính, chủ động hội nhập thương mại quốc tế theo các hiệp định thương mại tự do đã được ký kết, phát triển thị trường trong và ngoài nước, đảm bảo cân đối cung – cầu hàng hóa và dịch vụ. Trên cơ sở nội dung và yêu cầu của đề án tái cấu trúc nền kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Để vượt qua được “bẫy thu nhập trung bình”, Việt Nam vẫn cần phải thực hiện chiến lược tăng trưởng nhanh trong thời gian tới gắn với chất lượng, hiệu quả và khả năng duy trì lâu dài. Chú trọng tạo dựng và duy trì cấu trúc tăng trưởng hợp lý, ngày càng thể hiện rõ mô hình tăng trưởng theo chiều sâu. Chú trọng việc nâng cao hiệu quả đầu tư, hiệu quả sử dụng lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển khoa học công nghệ gắn liền với đổi mới tư duy và sáng tạo, tạo tiền đề đột phá về năng suất lao động. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và vận hành một cách thông suốt, có hiệu quả; tạo động lực thúc đẩy nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững trong năm 2017 và những năm tiếp theo.

Khuyến nghị

Để thực hiện thành công các chỉ tiêu kinh tế năm 2017, cần phải triển khai mạnh mẽ các chính sách, biện pháp xây dựng hệ thống đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học công nghệ trong cả nước và các ngành để tạo ra những kết quả mang tính bước ngoặt trong chuyển dịch cơ cấu và mô hình tăng trưởng.

Chính phủ tạo điều kiện thuận lợi phát triển

hoạt động sản xuất – kinh doanh, giúp cho nền kinh tế nói chung, ngân sách nhà nước nói riêng được cải thiện và tăng trưởng bền vững. Theo đó, cần có giải pháp tổng thể, quyết liệt để tái cơ cấu doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và của nền kinh tế trên cơ sở tiến hành cải cách thể chế một cách sâu rộng, tạo môi trường kinh doanh thông thoáng và bình đẳng cho doanh nghiệp.

Muốn phát triển ổn định, cần phải tiếp tục đẩy nhanh cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp tư nhân phát triển, đồng thời thúc đẩy phát triển mạnh mẽ thị trường vốn, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận được vốn dễ dàng, thuận lợi và ổn định hơn. Nâng cao kỹ năng và nghiệp vụ của người lao động; đây chính là lực lượng lao động quan trọng tạo ra động lực phát triển cho doanh nghiệp, và cho cả nền kinh tế.

Cần tận dụng cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương và đa phương, để chuyển hướng nhập khẩu nguyên vật liệu đầu vào và tăng cường thu hút đầu tư từ cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) và các nền kinh tế phát triển khác. Trong đó, chú trọng vào những ngành sản xuất có tác động lan tỏa tới kinh tế và là ngành mũi nhọn của nền kinh tế. Đồng thời chuyển hướng sản xuất và xuất khẩu những hàng hóa, dịch vụ mà Việt Nam có lợi thế cạnh tranh sang các thị trường mới nổi.

Vietnam Economy 2016 - 2017: Stable, new impetus for development

• **Nguyen Van Luan**

University of Economics and Law, VNU HCM - Email: luannv@uel.edu.vn

ABSTRACT

In 2016, Vietnam still keeps a high economic growth and a stable macroeconomy as evidenced by a GDP of 6,21% and CPI of 4,74%; financial markets have stimulating changes while difficulties of enterprises showed signs of abatement. With a sustained high growth rate, import-export is supposed to be a highlight of the Vietnam economy. Results of the restructuring of state-owned companies have transmitted positive signals about its final phase. Those outcomes created impetus for the economic development in 2017.

The targets for the Vietnam economy in 2017 is to achieve macroeconomic stability, an

economic growth of 6,7% with an emphasis on development quality and sustainability.

It is necessary to continue to create favorable conditions for businesses and put in place effective and uniform administrative reforms, proactively integrate with international trade under free trade agreements of FTA and AEC.

To successfully achieve the above mentioned targets, the application of policies, solutions, innovative and creative system as well as science and technology in nationwide and within industries is of importance. This is to create turning-point results in the shifts of structure and growth model.

Keywords: Economic stability, new impetus for development.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- | | |
|--|---|
| <p>[1]. Đảng cộng sản Việt Nam (2016). <i>Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII</i>.</p> <p>[2]. Bộ công thương (2016). <i>Báo cáo tóm tắt tình hình hoạt động ngành công nghiệp và thương mại năm 2016</i>.</p> <p>[3]. Bộ Tài chính (2016). <i>Báo cáo tình hình tái cơ cấu DNNN năm 2015 và nhiệm vụ 2016</i>.</p> <p>[4]. Bộ Tài chính (2016). <i>Báo cáo tình hình ngân sách 9 tháng đầu năm 2016</i>.</p> <p>[5]. Chính phủ (2016). <i>Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2016 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017</i>.</p> | <p>[6]. Cục đăng ký doanh nghiệp - Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2016). <i>Số doanh nghiệp và tốc độ tăng/giảm số doanh nghiệp năm 2016</i>.</p> <p>[7]. Cục đầu tư nước ngoài – Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2016). <i>Báo cáo tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2016</i>.</p> <p>[8]. Quốc hội khóa XIV (2016a). <i>Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017</i>.</p> <p>[9]. Quốc hội khóa XIV (2016b). <i>Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2016</i>.</p> <p>[10]. Tổng cục Thống kê (2016). <i>Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2016</i>.</p> |
|--|---|

- | | |
|--|---|
| [11]. Tổng cục Thống kê ((2016). <i>Niên giám thống kê 2015</i> . | [13]. World Bank (2016). <i>Commodity Market Outlook</i> . |
| [12]. Tổng cục Thống kê (2016). <i>Báo cáo tổng quan thị trường và giá cả tháng 12 và năm 2016</i> . | [14]. World Bank (Jan. 2017). <i>World Economic Perspective</i> . |